

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 11 - 2018
V/v tranh chấp chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư
2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T; cư trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N); ĐKKHKT: Thôn A, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Cư trú tại: Thôn 7, xã H, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Bà và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) kết hôn với nhau từ năm 1984. Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng bà đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Tại Quyết định dân sự số 60/ST ngày 25 tháng 12 năm 1999 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương có ghi nhận về tài sản chung giữa bà và ông Bùi Văn N: Đôi bên tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên cho đến nay bà và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) không tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung được. Nhưng thực tế sau khi ly hôn vợ chồng bà vẫn sống chung, nuôi dạy con cái và mua sắm tài sản. Sau khi mua diện tích 80m² đất thuộc thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, bà và ông Nguyễn đã xây dựng một ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên đất. Cả gia đình bà ăn ở, sinh hoạt tại đó mấy năm sau đó ông Nguyễn có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới bỏ đi.

Tài sản chung của bà và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) gồm quyền sử dụng diện tích 80m² đất thuộc thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 và một ngôi nhà 03 tầng tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 722402, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số H 00082 do UBND huyện An Dương cấp ngày 26 tháng 5 năm 2006 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn N (tức Bùi Văn N) và bà Phạm Thị T. Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông N mua của ông Ngô Văn N từ năm 2005, sau đó bà và ông N đã xây dựng một ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên đất.

Nay bà đề nghị Tòa án giao cho bà quyền sử dụng thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 và một ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Bà sẽ có trách nhiệm trả phần chênh lệch giá trị tài sản cho ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) còn có một số tài sản là đồ đạc sinh hoạt trong gia đình, bà và ông Nguyễn tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 10 năm 2015 bị đơn là ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) trình bày:

Ông kết hôn cùng bà Phạm Thị T, sau đó trong quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Ông và bà Phạm Thị T đã được Tòa án giải quyết ly hôn (ông không nhớ rõ là vào năm 2002 hay 2003). Sau khi ông và bà T ly hôn xong, ông mới mua diện tích đất 80m² tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và làm nhà ngay trong năm 2006. Diện tích đất trên đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 đứng tên một mình ông là chủ sử dụng. Nay bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn ông không đồng ý vì diện tích đất và ngôi nhà ông xây dựng sau khi ông và bà Phạm

Thị T đã ly hôn. Ông để lại tài sản nêu trên là diện tích đất 80 m² và một ngôi nhà xây 03 tầng để lại cho con trai ông là Bùi Văn Hùng, sinh năm 1988.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ Điều 97, Tòa án chưa xác minh thu thập chứng cứ về công sức đóng góp của nguyên đơn và bị đơn trong việc tạo lập khối tài sản chung. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự không đến tham gia một số buổi hòa giải.

Quan điểm giải quyết vụ án: Do Tòa án không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa nên Đại diện Viện kiểm sát không có quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Dương giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N). Theo quy định tại Khoản 7, Điều 28; điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N).

- Về quan hệ tranh chấp:

[3] Ngày 11 tháng 01 năm 2018, Tòa án đã thụ lý vụ án số 13/2018/TLST-HNGĐ về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn. Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được cho thấy: Tại Quyết định

dân sự số 60/ST ngày 25 tháng 12 năm 1999 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương có ghi nhận về tài sản chung giữa bà Phạm Thị T và ông Bùi Văn N: Đôi bên tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn ông Nguyễn và bà Thoa vẫn chung sống với nhau như vợ chồng và có tạo lập được khối tài sản là diện tích 80m² đất thuộc thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 và một ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Xét thấy nguồn gốc thửa đất 641, tờ bản đồ số 14 (diện tích 80 m²) tại địa chỉ xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 722402, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số H 00082 do UBND huyện An Dương cấp ngày 26 tháng 5 năm 2006 đứng tên chủ sử dụng là ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) và bà Phạm Thị T. Thửa đất nêu trên là do ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) và bà Phạm Thị T bỏ tiền ra mua của ông Ngô Văn N năm 2004 với giá 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Bà Phạm Thị T là người đã giao số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cho ông Ngô Văn N. Sau đó ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) giao nốt số tiền còn lại. Vì vậy ông Ngô Văn N đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) và bà Phạm Thị T. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14, ông N và bà T đã xây dựng lên một ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên đất tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình ông N và bà T xây dựng ngôi nhà, chính quyền địa phương và hàng xóm đều chứng kiến. Sau khi xây nhà ông N và bà T cùng con cái đã ăn ở, sinh hoạt tại đây mấy năm. Sau đó ông N có quan hệ với người phụ nữ khác mới bỏ đi. Hiện nay thửa đất và ngôi nhà nêu trên vẫn do bà Phạm Thị T quản lý, sử dụng. Vì vậy ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 chính là khối tài sản chung do ông Nguyễn và bà Thoa cùng nhau tạo dựng nên. Quan điểm của ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) cho rằng thửa đất và ngôi nhà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 do một mình ông mua và đứng tên chủ sử dụng một mình ông là không có căn cứ. Lời trình bày của bà Phạm Thị T phù hợp với các tài liệu Tòa án xác minh, thu thập, phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 722402, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số H 00082 mà UBND huyện An Dương cấp ngày 26 tháng 5 năm 2006. Vì vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về chia tài sản chung. Do đó quan điểm chia tài sản chung thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 và ngôi nhà 03 tầng tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng của bà Thoa đối với ông Nguyễn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét về công sức đóng góp vào khối tài sản chung như sau: Thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 và ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đều do ông Nguyễn và bà Thoa nhận chuyển nhượng và xây dựng lên. Đại diện Viện kiểm sát có công

văn số04/YC-VKS-DS ngày 26 tháng 11 năm 2018 và tại phiên tòa đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ về công sức đóng góp của nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ vào lời khai và các tài liệu do đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ căn cứ xác định tài sản đang có tranh chấp là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất, không xác định được phần đóng góp của mỗi người. Vì vậy Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ về công sức đóng góp của nguyên đơn và bị đơn là không cần thiết. Do không xác định được phần đóng góp vào khối tài sản chung của ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) và bà Phạm Thị T nên chia cho mỗi người được hưởng 1/2 trị giá tài sản. Bà Phạm Thị T hiện nay đang thực tế quản lý, sử dụng và có nhu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng thửa đất và ngôi nhà cùng các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên Hội đồng xét xử giao cho bà Phạm Thị T được quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng và quyền sử dụng thửa đất 641, tờ bản đồ số 14 (diện tích 80 m²) tại địa chỉ xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng sau khi bù chia cho ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) một phần hai (1/2) giá trị nhà và đất.

[5] Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản (ngày 23 tháng 10 năm 2018), trị giá quyền sử dụng thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 (diện tích 80 m²) tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Vị trí, kích thước thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp tim mương tiêu, dài 3,85m
- Phía Nam giáp tim đường Quốc lộ 5 dài 3,9 m
- Phía Đông giáp hộ ông Hưng dài 20,8 m
- Phía Tây giáp hộ ông Đậu dài 20,8 m

Thửa đất nêu trên có trị giá $80\text{m}^2 \times 9.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 720.000.000$ đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên diện tích thửa đất nêu trên trị giá 1.109.822.230đ (Một tỷ một trăm linh chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm ba mươi đồng). Tổng trị giá thửa đất và ngôi nhà cùng các công trình xây dựng nêu trên là 1.829.822.230 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm ba mươi đồng). Do đó bà Phạm Thị T phải trả cho ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) số tiền là 914.911.115 đồng (Chín trăm mười bốn triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười lăm đồng). Trị giá tài sản bà Phạm Thị T và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) mỗi người được hưởng là 914.911.115 đồng (Chín trăm mười bốn triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười lăm đồng).

[6] Ngoài ra bà Phạm Thị T và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) còn có một số tài sản là đồ đạc sinh hoạt trong gia đình, bà Thoa có quan điểm ông bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị T và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 70, 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 210, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Bùi Văn N.

Xử giao cho bà Phạm Thị T được quản lý, sử dụng diện tích đất 80,0 m² (*Tám mươi mét vuông*) và quyền sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng cùng các công trình xây dựng trên thửa đất số 641, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ xóm N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trị giá 1.837.139.109đ (*Một tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn một trăm linh chín đồng*). Bà Phạm Thị T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để tiến hành thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Vị trí, kích thước thửa đất cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp tim nương tiêu, dài 3,85m
- Phía Nam giáp tim đường Quốc lộ 5 dài 3,9 m
- Phía Đông giáp hộ ông Hưng dài 20,8 m
- Phía Tây giáp hộ ông Đậu dài 20,8 m

Bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) số tiền chia tài sản chung là 914.911.115 đồng (*Chín trăm mười bốn triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười lăm đồng*).

Trị giá tài sản bà Phạm Thị T và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N), mỗi người được hưởng là 914.911.115 đồng (*Chín trăm mười bốn triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười lăm đồng*).

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T và ông Bùi Văn N (tức Nguyễn Văn N) mỗi người phải nộp 39.447.334đ (*Ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tư đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Bà Phạm Thị T đã nộp 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0007470 ngày 11 tháng 01 năm 2018), bà Phạm Thị T phải nộp tiếp số tiền 26.947.334đ (*Hai mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tư đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã A ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi

